

**PHỤ LỤC IV**  
**DANH MỤC DỰ ÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2022**  
*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Dan h mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư								Năm 2021										Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến KH năm 2022			Ghi chú	Chủ đầu tư				
						TMDT								Kế hoạch			Ước giải ngân kế hoạch năm 2021 từ 1/1/2021 đến 30/9/2021			Ước giải ngân kế hoạch năm 2021 từ 1/1/2021 đến 31/01/2022				Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến KH năm 2022								
						Trong đó:								Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:				Trong đó:			Trong đó:								
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Trong đó:				Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)			Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)
																						Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước										
Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tinh bảng nguyên tệ	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)																		
				Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại																														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36
	<b>TỔNG SỐ</b>						<b>2.081.748</b>	<b>533.892</b>	<b>92.758</b>		<b>1.807.930</b>	<b>1.350.738</b>	<b>357.192</b>	<b>373.466</b>	<b>23.766</b>		<b>265.000</b>	<b>61.900</b>	<b>189</b>		<b>36.310</b>	<b>129.192</b>	<b>492</b>		<b>77.000</b>	<b>2.064.766</b>	<b>193.642</b>		<b>1.202.359</b>	<b>375.000</b>	<b>40.000</b>		<b>275.000</b>		
A	<b>VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC</b>						<b>2.081.748</b>	<b>533.892</b>	<b>92.758</b>		<b>1.807.930</b>	<b>1.350.738</b>	<b>357.192</b>	<b>373.466</b>	<b>23.766</b>		<b>265.000</b>	<b>61.900</b>	<b>189</b>		<b>36.310</b>	<b>129.192</b>	<b>492</b>		<b>77.000</b>	<b>2.064.766</b>	<b>193.642</b>		<b>1.202.359</b>	<b>375.000</b>	<b>40.000</b>		<b>275.000</b>		
I	<b>BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b>						<b>567.973</b>	<b>224.527</b>	<b>92.758</b>		<b>343.446</b>	<b>343.446</b>		<b>127.266</b>	<b>23.766</b>		<b>103.000</b>	<b>689</b>	<b>189</b>				<b>992</b>	<b>492</b>	<b>0</b>	<b>532.705</b>	<b>79.222</b>		<b>330.030</b>	<b>202.000</b>	<b>40.000</b>		<b>160.000</b>		
1	<i>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</i>						<b>567.973</b>	<b>224.527</b>	<b>92.758</b>		<b>343.446</b>	<b>343.446</b>		<b>127.266</b>	<b>23.766</b>		<b>103.000</b>	<b>689</b>	<b>189</b>				<b>992</b>	<b>492</b>	<b>0</b>	<b>532.705</b>	<b>79.222</b>		<b>330.030</b>	<b>202.000</b>	<b>40.000</b>		<b>160.000</b>		
a	<i>Dự án nhóm B</i>						<b>567.973</b>	<b>224.527</b>	<b>92.758</b>		<b>343.446</b>	<b>343.446</b>		<b>127.266</b>	<b>23.766</b>		<b>103.000</b>	<b>689</b>	<b>189</b>				<b>992</b>	<b>492</b>	<b>0</b>	<b>532.705</b>	<b>79.222</b>		<b>330.030</b>	<b>202.000</b>	<b>40.000</b>		<b>160.000</b>		
(1)	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cà Mau (giai đoạn 1)	7007279	Italia	22.5.2009	2023	1258/QĐ-UBND ngày 27/8/2015; 1818/QĐ-UBND ngày 25/9/2020	567.973	224.527	92.758	13,6 triệu Euro	343.446	343.446		127.266	23.766		103.000	689	189				992	492	0	532.705	79.222		330.030	202.000	40.000		160.000	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
II	<b>LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN</b>						<b>1.513.775</b>	<b>309.365</b>			<b>1.464.484</b>	<b>1.007.292</b>	<b>357.192</b>	<b>246.200</b>			<b>162.000</b>	<b>61.211</b>			<b>36.310</b>	<b>128.200</b>			<b>77.000</b>	<b>1.532.061</b>	<b>114.420</b>		<b>872.329</b>	<b>173.000</b>		<b>115.000</b>			
1	<i>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</i>						<b>1.023.849</b>	<b>192.945</b>			<b>830.904</b>	<b>633.786</b>	<b>197.118</b>	<b>241.200</b>			<b>162.000</b>	<b>59.592</b>			<b>36.310</b>	<b>123.200</b>			<b>77.000</b>	<b>782.061</b>			<b>498.823</b>	<b>173.000</b>		<b>115.000</b>			
a	<i>Dự án nhóm B</i>						<b>1.023.849</b>	<b>192.945</b>			<b>830.904</b>	<b>633.786</b>	<b>197.118</b>	<b>241.200</b>			<b>162.000</b>	<b>59.592</b>			<b>36.310</b>	<b>123.200</b>			<b>77.000</b>	<b>782.061</b>			<b>498.823</b>	<b>173.000</b>		<b>115.000</b>			
(1)	Tiểu dự án 8: Đầu tư xây dựng CSHT để phòng, chống xói lở bờ biển, cung cấp nước ngọt và phục vụ nuôi tôm - rừng vùng ven biển tỉnh Cà Mau thuộc Dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL" - ICRSL	7605935	WB	11/07/2016	2022	1693/QĐ-BNN ngày 09/5/2016; 1563/QĐ-UBND ngày 24/9/2018	792.884	135.825		35,59 triệu USD	657.059	459.941	197.118	240.000			161.000	59.592			36.310	123.000			77.000	551.096			324.978	160.000		105.000	Đã kiến nghị điều chỉnh KHV năm 2021 là 117.000 triệu đồng (trong đó, ODA là 84.000 triệu đồng, vốn vay lại NSĐP là 33.000 triệu đồng)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
(2)	Dự án "Kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đai rừng ngập mặn tỉnh Kien Giang và Cà Mau"	7731818	KFW	27/04/2018	2022	5758/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/12/2017	230.965	57.120		9,3 triệu Euro	173.845	173.845		1.200			1.000					200				230.965			173.845	13.000		10.000	Đã kiến nghị điều chỉnh KHV ODA năm 2021 là 1.000 triệu đồng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
2	<i>Danh mục dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>						<b>489.926</b>	<b>116.420</b>			<b>633.580</b>	<b>373.506</b>	<b>160.074</b>	<b>5.000</b>									<b>5.000</b>			<b>750.000</b>	<b>114.420</b>		<b>373.506</b>						
a	<i>Dự án nhóm B</i>						<b>489.926</b>	<b>116.420</b>			<b>633.580</b>	<b>373.506</b>	<b>160.074</b>	<b>5.000</b>									<b>5.000</b>			<b>750.000</b>	<b>114.420</b>		<b>373.506</b>						
(1)	Dự án xây dựng đê biển Tây từ Cái Đồi Vàm đến Kênh Năm và kè phòng, chống sạt lở bờ biển các đoạn xung yếu từ cửa biển sông Ông Đốc đến cửa biển Bảy Háp, tỉnh Cà Mau	7791469	Cơ quan Phát triển Pháp			1135/QĐ-TTg ngày 04/9/2019	489.926	116.420		28,2 triệu Euro	633.580	373.506	160.074	5.000				1.619					5.000			750.000	114.420		373.506					Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	